

Nội dung bài viết

1. [Trả lời câu hỏi SGK Địa Lý 12 Bài 16 trang 68, 69, 71](#)
2. [Giải bài tập SGK Bài 16 Địa 12 trang 72](#)
3. [Lý thuyết Địa Lí 12 Bài 16](#)

Với bộ tài liệu giải **Địa lớp 12 Bài 16: Đặc điểm dân số và phân bố dân cư ở nước ta** được biên soạn bởi ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm chia sẻ. Hướng dẫn học sinh giải các dạng bài tập trong sách giáo khoa và tổng hợp lý thuyết bài học. Nội dung chi tiết các em tham khảo tại đây.

Trả lời câu hỏi SGK Địa Lý 12 Bài 16 trang 68, 69, 71

Trả lời câu hỏi Bài 16 trang 68 SGK Địa Lí 12

Từ hình 16.1 (SGK), hãy nhận xét tỉ lệ gia tăng dân số qua giai đoạn.

Trả lời:

- Giai đoạn 1931 - 1960: tốc độ gia tăng trung bình là 1,85%.
 - Giai đoạn 1965 - 1975: tốc độ gia tăng trung bình là 3%.
 - Giai đoạn 1975 - 1989: tốc độ gia tăng trung bình là 2,1%.
 - Giai đoạn 1989 - 1999: tốc độ gia tăng trung bình là 1,7%.
 - Giai đoạn 1999 - 2001 : tốc độ gia tăng trung bình là 1,35%.
 - Năm 2002: tốc độ gia tăng trung bình là 1,32%.
 - Năm 2005: tốc độ gia tăng trung bình là 1,31%.
- *Nhận xét:* Tỉ lệ gia tăng qua các thời kì không ổn định. Thời kì chiến tranh chống Pháp có mức gia tăng thấp, thời kì xây dựng CNXH ở miền Bắc và chống Mỹ ở miền Nam gia tăng nhanh. Từ khi thống nhất đất nước đến nay, gia tăng giảm dần.

Trả lời câu hỏi Bài 16 trang 69 SGK Địa Lí 12

Từ bảng 16.2 (SGK), hãy so sánh và nhận xét về mật độ dân số giữa các vùng

Trả lời:

- Phân bố dân cư không đều giữa đồng bằng với trung du và miền núi. Mật độ dân số ở đồng bằng gấp nhiều lần ở miền núi. Đồng bằng sông Hồng gấp 8,3 lần Đông Bắc, 17,7 lần Tây bắc; Duyên hải Nam Trung Bộ gấp 2,4 lần Tây Nguyên).

- Phân bố dân cư không đều ngay trong nội bộ mỗi vùng đồng bằng hoặc miền núi (Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số gấp 2,8 lần Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Bắc có mật độ gấp 2,1 lần Tây Bắc và gấp gần 1,7 lần Tây Nguyên).

Trả lời câu hỏi Bài 16 trang 71 SGK Địa Lí 12

Từ bảng 16.3 (SGK), hãy so sánh và cho nhận xét về sự thay đổi tỉ trọng dân số thành thị, nông thôn.

Trả lời:

- Tỉ lệ dân thành thị và nông thôn đang có sự chuyển dịch đáng kể theo hướng dân nông thôn giảm, dân thành thị tăng: năm 1990, dân thành thị là 19,5%, dân nông thôn 80,5%; đến năm 2005, dân thành thị tăng lên 27,0%, dân nông thôn giảm xuống còn 73%.

- Xu hướng phát triển phù hợp với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Trả lời câu hỏi Bài 16 trang 71 SGK Địa Lí 12

Hãy nêu hậu quả của sự phân bố dân cư không hợp lí.

Trả lời:

- Sử dụng lao động lãng phí, không hợp lí, nơi thừa, nơi thiếu.

- Khai thác tài nguyên ở nơi ít lao động rất khó khăn.

Giải bài tập SGK Bài 16 Địa 12 trang 72**Bài 1 trang 72 SGK Địa Lí 12**

Phân tích tác động của đặc điểm dân số nước ta đối với phát triển kinh tế - xã hội và môi trường.

Lời giải:

- Đông dân

+ Thuận lợi: nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

+ Khó khăn: trở ngại lớn cho việc phát triển kinh tế, giải quyết việc làm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

- Có nhiều thành phần dân tộc

+ Các dân tộc đoàn kết bên nhau, phát huy truyền thống sản xuất, văn hoá, nếp sống tạo nên sức mạnh phát triển kinh tế, xây dựng đất nước.

+ Tuyệt đại bộ phận người Việt đang sinh sống ở nước ngoài đều hướng về Tổ quốc và đang đóng góp công sức cho xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội quê hương.

- Dân số còn tăng nhanh, cơ cấu dân số trẻ

+ Gia tăng dân số nhanh đã tạo nên sức ép rất lớn đối với phát triển kinh tế- xã hội, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Dân số nước ta thuộc loại trẻ nên có nguồn lao động dồi dào, hằng năm tăng thêm khoảng 1,15 triệu người.

- Phân bố dân cư chưa hợp lí: làm ảnh hưởng rất lớn đến việc sử dụng lao động, khai thác tài nguyên.

Bài 2 trang 72 SGK Địa Lí 12

Tại sao ở nước ta hiện nay, tỉ lệ gia tăng dân số có xu hướng giảm, nhưng quy mô dân số vẫn tiếp tục tăng? Nêu ví dụ minh hoạ.

Lời giải:

- Do quy mô dân số nước ta lớn, nên tỉ lệ gia tăng giảm, nhưng quy mô dân số vẫn tiếp tục tăng.

- Ví dụ: với quy mô dân số 70 triệu người, tỉ lệ gia tăng dân số 1,5%, thì mỗi năm dân số tăng 1,05 triệu người. Nhưng nếu quy mô dân số là 84 triệu người, tỉ lệ gia tăng dân số 1,31%, thì mỗi năm dân số tăng thêm 1,10 triệu người.

Bài 3 trang 72 SGK Địa Lí 12

Vì sao phải thực hiện phân bố dân cư cho hợp lí? Nêu một số phương hướng và biện pháp đã thực hiện trong thời gian vừa qua.

Lời giải:

- Phải thực hiện phân bố dân cư cho hợp lí, vì: sự phân bố dân cư nước ta hiện nay chưa hợp lí. Nơi giàu tài nguyên thì thiếu lao động, nơi đất hẹp thì người đông.

- Một số phương hướng và biện pháp đã thực hiện trong thời gian vừa qua:

- + Tiếp tục thực hiện các giải pháp kiềm chế tốc độ tăng dân số, đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương, chính sách, pháp luật về dân số và kế hoạch hoá gia đình.
- + Xây dựng chính sách di cư phù hợp để thúc đẩy sự phân bố dân cư, lao động giữa các vùng.
- + Đẩy mạnh đầu tư phát triển công nghiệp ở trung du, miền núi, phát triển công nghiệp nông thôn để khai thác tài nguyên và sử dụng tối đa nguồn lao động của đất nước.
- + Phân bố lại dân cư và lao động giữa các vùng trong cả nước.

Lý thuyết Địa Lí 12 Bài 16

1. Đông dân, có nhiều thành phần dân tộc.

- Số dân nước ta là 84.156 nghìn người (năm 2006). Đứng thứ 3 ĐNA và đứng thứ 13 trên TG.

+ Thuận lợi: là nguồn lao động dồi dào và là thị trường tiêu thụ rộng lớn.

+ Khó khăn: trở ngại lớn cho việc phát triển kinh tế, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

Các quốc gia có dân số đông trên thế giới năm 2015

Stt	Quốc gia	Số dân (triệu người)	Stt	Quốc gia	Số dân (triệu người)
1	Trung Quốc	1,372	7	Nigeria	182
2	Ấn Độ	1,314	8	Bangladesh	160
3	Hoa Kỳ	321	9	Nga	144
4	Indonesia	256	10	Mexico	127
5	Brazil	205	11	Nhật	126,9
6	Pakistan	199	12	Philippin	103,0
			13	Việt Nam	91,7

- Dân tộc: 54 dân tộc, nhiều nhất là dân tộc Việt (Kinh), chiếm khoảng 86,2% dân số, các dân tộc khác chỉ chiếm 13,8% dân số cả nước. Ngoài ra, còn có khoảng 3,2 triệu người Việt đang sinh sống ở nước ngoài.

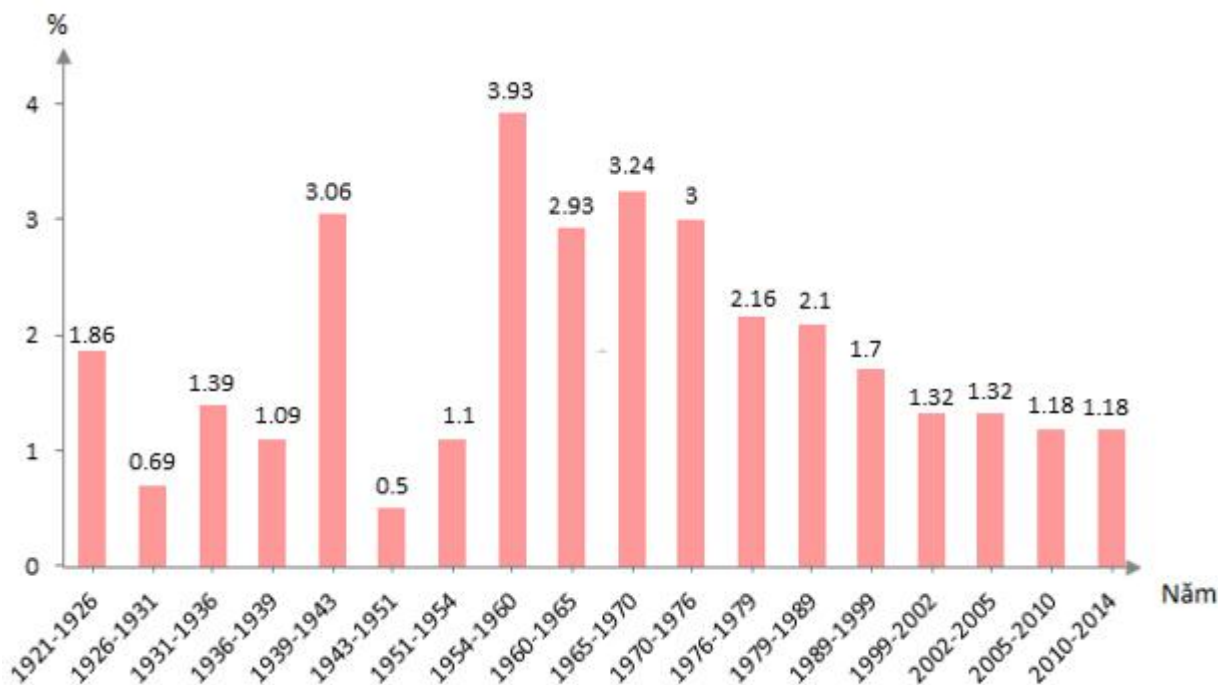
2. Dân số còn tăng nhanh, cơ cấu dân số trẻ.

- Dân số tăng nhanh:

+ Đặc biệt vào cuối thế kỉ XX, đã dẫn đến hiện tượng bùng nổ dân số, nhưng khác nhau giữa các thời kì.

+ Mức tăng dân số hiện nay có giảm nhưng còn chậm, mỗi năm dân số vẫn tăng thêm trung bình hơn 1 triệu người.

+ Gia tăng dân số nhanh đã tạo nên sức ép rất lớn đối với phát triển kinh tế – xã hội, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống.



Hình 1. Tỷ lệ gia tăng dân số trung bình năm qua các giai đoạn

- Cơ cấu dân số trẻ:

Năm	1999	2005	2009	2014
Độ tuổi				
Từ 0 đến 14 tuổi	33,5	27,0	24,4	22,5
Từ 15 đến 59 tuổi	58,4	64,0	66,9	69,5
Từ 60 tuổi trở lên	8,1	9,0	8,7	8,0

Dân số nước ta thuộc loại trẻ, đang có sự biến đổi nhanh chóng về cơ cấu dân số theo nhóm tuổi. Cơ cấu các nhóm tuổi của nước ta năm 2005 như sau:

+ Từ 0 đến 14 tuổi: 27,0%

+ Từ 15 đến 59 tuổi: 64,0%

+ Từ 60 tuổi trở lên: 9,0%

3. Sự phân bố dân cư chưa hợp lí.

Mật độ dân số trung bình 254 người/ km² (2006).

a) Giữa đồng bằng với trung du, miền núi.

- Ở đồng bằng tập trung khoảng 75% dân số, mật độ dân số cao. (Đồng bằng sông Hồng 1225 người/ km², Đồng bằng sông Cửu Long 429 người/ km²).

- Ở vùng trung du, miền núi mật độ dân số thấp hơn nhiều so với đồng bằng, trong khi vùng này tập trung nhiều tài nguyên thiên nhiên quan trọng của đất nước (Tây Nguyên 89 người/ km², Tây Bắc 69 người/ km²).

b) Giữa thành thị và nông thôn:

Năm 2005, dân số thành thị chiếm 26,9%, dân số nông thôn chiếm 73,1%.

4. Chiến lược phát triển dân số hợp lí và sử dụng có hiệu quả nguồn lao động nước ta.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp kiềm chế tốc độ tăng dân số, đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương, chính sách, pháp luật về dân số và kế hoạch hóa gia đình.

- Xây dựng chính sách di cư phù hợp để thúc đẩy sự phân bố dân cư, lao động giữa các vùng.

- Xây dựng quy hoạch và chính sách thích hợp nhằm đáp ứng xu thế chuyển dịch cơ cấu dân số nông thôn và thành thị.

- Đưa xuất khẩu lao động thành một chương trình lớn, có giải pháp mạnh và chính sách cụ thể mở rộng thị trường xuất khẩu lao động. Đổi mới mạnh mẽ phương thức đào tạo người lao động xuất khẩu có tác phong công nghiệp.

- Đẩy mạnh đầu tư phát triển công nghiệp ở trung du, miền núi, phát triển công nghiệp nông thôn để khai thác tài nguyên và sử dụng tối đa nguồn lao động của đất nước.

►► **CLICK NGAY** vào đường dẫn dưới đây để **TẢI VỀ** bài **Giải SGK Địa lí 12 Bài 16: Đặc điểm dân số và phân bố dân cư ở nước ta** chi tiết, đầy đủ nhất file word, file pdf hoàn toàn miễn phí.